

Bản án số: 922/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T - sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: đường C, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê C - sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: đường C, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trần Thị Kim T có mặt, ông Lê C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Lê C tự nguyện sống chung và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1988, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, Thành phố Đà Nẵng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 2538, quyển số 1 ngày 27/10/1988.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung gia đình bên ông C tại Đà Nẵng. Năm 1992 chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đến năm 1996 thì chuyển

đến ở nhà đường C, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm gây tranh cãi, ông C rất gia trưởng, không tôn trọng ý kiến, không ghi nhận công sức đóng góp của bà, thiếu trách nhiệm không quan tâm đến vợ con. Chỉ vì nghĩ cho con cái nên bà cố gắng chịu đựng, đã cho nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông C không có biểu hiện thay đổi. Năm 2018 bà đã nộp đơn ly hôn nhưng đã rút đơn vì nghĩ ông C có thể thay đổi nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ 10 năm nay, dù vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Quan hệ vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Phước Bình Y, sinh năm 1989, Lê Trần Phúc C, sinh năm 1991 và Lê Quang D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Lê C vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Lê C.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Phước Bình Y, sinh năm 1989, Lê Trần Phúc C, sinh năm 1991 và Lê Quang D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Lê C vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim T có đơn xin ly hôn ông Lê C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn ông Lê C đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 2538, quyền số 1, do Ủy ban nhân dân phường G, quận K, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/10/1988 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của nguyên đơn thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại và đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm gây tranh cãi, tính tình ông C gia trưởng, không tôn trọng ý kiến, không ghi nhận công sức đóng góp của bà T, thiếu trách nhiệm không quan tâm đến vợ con, bà T đã nhiều lần tạo cơ hội điều kiện để ông C sửa đổi tuy nhiên ông C không có động thái hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa bà T và ông C đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong thời gian giải quyết Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện Bị đơn không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Lê Phước Bình Y, sinh năm 1989, Lê Trần Phúc C, sinh năm 1991 và Lê Quang D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.1.3] *Về tài sản chung*: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T:

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Lê C.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Lê Phước Bình Y, sinh năm 1989, Lê Trần Phúc C, sinh năm 1991 và Lê Quang D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung*: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà T khai không có.

2. *Về án phí*:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0031262 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường G, quận K,
Thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm